PHẦN III.
NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

A1. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí trung ương)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử, cơ quan báo chí trung ương nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Báo chí) chấp thuận.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Báo chí) có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Báo chí) chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí.

(2) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép chuyên trang có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích).

(3) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi chuyên trang, tên miền; hình thức trình bày, vị trí của tên gọi chuyên trang; thay đổi giao diện trang chủ của chuyên trang).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** *10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.*

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** *Cơ quan báo chí trung ương*

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Báo chí)

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Văn bản chấp thuận.

**** Phí, lệ phí:*** Không quy định.

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không quy định.

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13.

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

A2. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

2. Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo

**** Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan báo chí trung ương có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử) đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình theo mẫu quy định; trường hợp từ chối cấp giấy phép thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho cơ quan báo chí và nêu rõ lý do.

- Cơ quan báo chí nhận kết quả tại Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp.

- Cơ quan báo chí có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, được chủ động cung cấp kênh chương trình theo giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trong cả nước.

**** Cách thức thực hiện*:** Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

Trường hợp đề nghị cấp giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép phải làm đề án riêng đối với từng kênh chương trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** *15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.*

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** *Cơ quan báo chí trung ương*

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** *Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*

**** Phí, lệ phí:*** Không quy định.

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ QUAN BÁO CHÍ

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh, truyền hình* (viết chữ in hoa): ……

- Địa chỉ trụ sở chính: ……

- Điện thoại: ……..

- Website (nếu có): ……

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số…do…cấp ngày……tháng ……năm……..*

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị cấp)

1. Tên kênh chương trình: ……..

2. Biểu tượng kênh chương trình: (kèm theo bản in màu biểu tượng kênh *phát thanh/truyền hình có cam kết của cơ quan báo chí và xác nhận của cơ quan chủ quản (đối với cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình địa phương và bộ, ngành), có xác nhận của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật phê duyệt (đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam*)

3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: ..……

4. Loại kênh chương trình: *(Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo…)*

5. Ngôn ngữ thể hiện: ..…….....

6. Đối tượng phục vụ: ..…….....

7. Thời gian *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(từ ..... giờ đến ..... giờ)*.

8. Thời lượng *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*.

9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* mới: *(…giờ… phút)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* lại: *(…giờ… phút)*

10. Thời lượng chương trình *truyền dẫn/ phát sóng mới* trong một ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*

11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng *(…giờ… phút)*		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng truyền dẫn, phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: *(Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp)*

SDTV □

HDTV □

4K □

8K □

Khác □

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác").....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: *(Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp)*

Mono □

Stereo □

Khác □

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác"):

13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(*Tên cơ quan báo chí*) *bảo đảm nội dung, khung chương trình cơ bản của kênh chương trình khi truyền dẫn, phát sóng theo các định dạng kỹ thuật đề xuất tại điểm 11 là hoàn toàn giống nhau trên các dịch vụ theo quy định (đối với kênh có từ 02 định dạng kỹ thuật trở lên).*

14. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình *(áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):*

14.1. Tên đối tác liên kết: ……

14.2. Địa chỉ đối tác liên kết:……

- Điện thoại: …….

14.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: …

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

14.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: …….....

14.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

	Tổng số nhân sự	**Nam**	**Nữ**	**Trình độ chuyên môn**		**Trình độ chính trị**			**Ngoại ngữ**	
				Trên Đại học	**Đại học**	**Sơ cấp**	**Trung cấp**	**Cao cấp**	**Đại học**	**Chứng chỉ**
	…									

14.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng…): …….

14.7. Hình thức liên kết:……..

14.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: ……

15. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:……

16. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình: ….....

17. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:……..

18. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: ***(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)***

Quảng bá □

Trả tiền □

19. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: ***(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)***

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV □

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh □

Dịch vụ truyền hình di động □

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet □

Khác □

(Ghi rõ phương thức cung cấp dịch vụ trong trường hợp thuộc điền "khác").....

20. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu: …….....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:. .....……

+ Năm 1: ……...

+ Năm 2: .....

21. Các nội dung khác *(nếu có):* ……

22. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

22.1. Họ và tên: ……

22.2. Chức danh *(Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc)*:.....

23. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

(…)……

24. Cam kết:

(Tên cơ quan báo chí) xin cam kết:

24.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

24.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích).

1. Nội dung đánh giá tình hình triển khai thực hiện Giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình* đã được cấp.

2. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ mục đích của kênh chương trình.

3. Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích của kênh *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

5. Các phương án triển khai thực hiện các nội dung thay đổi trong giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình sau khi sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích.*

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

7. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp

luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

....., ngày... tháng... năm.....	*....., ngày... tháng... năm.....*
Cơ quan chủ quản phê duyệt	***Người đứng đầu cơ quan báo chí*** [1]
(Đối với các cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và bộ, ngành)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ký tên đóng dấu)	

Chú thích:

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp: kê khai, thuyết minh các mục I, II, III trong biểu mẫu Đề án này.

- Đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích: kê khai, thuyết minh các mục I, II, IV trong biểu mẫu Đề án này.

- Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

[1] Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 02

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;

Theo đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/kênh chương trình truyền hình trong nước của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh/ truyền hình* (viết bằng chữ in hoa)

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số do……cấp……ngày……. tháng……năm…….*

Được sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: *(Phát thanh hoặc Truyền hình)*

1.1. Tên kênh chương trình:…….

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:. ..…….

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:……

1.4. Loại kênh chương trình: *(Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo…)*

1.5. Ngôn ngữ thể hiện:……

1.6. Đối tượng phục vụ:…….

1.7. Thời gian *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(từ.....giờ…phút… đến…..giờ… phút…)*.

1.8. Thời lượng *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

1.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

- *Truyền dẫn/ phát sóng* mới: *(...giờ ...phút)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* lại: *(...giờ ...phút)*

1.10. Thời lượng chương trình *truyền dẫn/ phát sóng* mới trong một ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

1.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	**Tên chuyên mục/loại chương trình**	**Nội dung**	**Thời lượng** *(... giờ ... phút)*		**Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng**	
			Trung bình/ngày	**Trong 01 tháng**	**Trung bình/ ngày**	**Trong 01 tháng**
1.						
2.						
…						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh: …….....

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:……

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung truyền dẫn/ phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11 (đối với kênh có từ 02 định dạng kỹ thuật trở lên).

2. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình: .....

3. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá;

Phương thức dịch vụ trả tiền.

4. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV;

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh;

Dịch vụ truyền hình di động;

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;

Khác...

5. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

5.1. Họ và tên: …….....

5.2. Chức danh *(Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc)*:.....

6. Các quy định khác:……

7. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp.

- Cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép ./.

Nơi nhận:
- *Cơ quan báo chí được cấp phép;*
- *Cơ quan chủ quản;*
- *Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;*
- *Văn phòng Chính phủ;*
- *UBND, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, TP trực thuộc TW (nếu tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);*
- *Bộ trưởng;*
- *……;*
- *Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.*

BỘ TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan báo chí trung ương)

**** Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan báo chí trung ương gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử) đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo trong các trường hợp sau:

+ Thay đổi tôn chỉ mục đích;

+ Thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất; tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát song.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình theo mẫu quy định; trường hợp từ chối cấp giấy phép thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho cơ quan, tổ chức và nêu rõ lý do.

- Cơ quan báo chí nhận kết quả tại Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**** Cách thức thực hiện*:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp thay đổi tôn chỉ mục đích. Hồ sơ gồm:

(1) Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

b) Trường hợp thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất. Hồ sơ gồm:

(1) Báo cáo thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

c) Trường hợp thay đổi về tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng. Hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận; nêu rõ các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung;

(2) Tài liệu, giấy tờ hợp pháp chứng minh nội dung thay đổi.

d) Trường hợp thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo. Hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận.

(2) Bản màu biểu tượng kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo có ký xác nhận của người có thẩm quyền.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.*

**** Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan báo chí trung ương.*

**** Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC:***

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP) cho các trường hợp a.

- Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP) cho các trường hợp b, c.

- Văn bản chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh chương trình ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước cho trường hợp d.

**** Phí, lệ phí:*** Không quy định.

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

- Báo cáo thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ QUAN BÁO CHÍ

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh, truyền hình* (viết chữ in hoa): ……

- Địa chỉ trụ sở chính: ……

- Điện thoại: ……..

- Website (nếu có): ……

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số…do…cấp ngày……tháng ……năm……..*

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị cấp)

1. Tên kênh chương trình: ……..

2. Biểu tượng kênh chương trình: (kèm theo bản in màu biểu tượng kênh *phát thanh/truyền hình có cam kết của cơ quan báo chí và xác nhận của cơ quan chủ quản (đối với cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình địa phương và bộ, ngành), có xác nhận của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật phê duyệt (đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam*)

3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: ..……

4. Loại kênh chương trình: *(Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo…)*

5. Ngôn ngữ thể hiện: ..…….....

6. Đối tượng phục vụ: ..…….....

7. Thời gian *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(từ ..... giờ đến ..... giờ)*.

8. Thời lượng *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*.

9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* mới: *(…giờ… phút)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* lại: *(…giờ… phút)*

10. Thời lượng chương trình *truyền dẫn/ phát sóng mới* trong một ngày: *(…giờ… phút/ ngày)*

11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng *(…giờ… phút)*		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng truyền dẫn, phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: *(Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp)*

SDTV □

HDTV □

4K □

8K □

Khác □

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác").....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: *(Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp)*

Mono □

Stereo □

Khác □

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác"):

13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(*Tên cơ quan báo chí*) *bảo đảm nội dung, khung chương trình cơ bản của kênh chương trình khi truyền dẫn, phát sóng theo các định dạng kỹ thuật đề xuất tại điểm 11 là hoàn toàn giống nhau trên các dịch vụ theo quy định (đối với kênh có từ 02 định dạng kỹ thuật trở lên).*

14. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình *(áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):*

14.1. Tên đối tác liên kết: ……

14.2. Địa chỉ đối tác liên kết:……

- Điện thoại: …….

14.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: …

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

14.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: …….....

14.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Tổng số nhân sự	**Nam**	**Nữ**	**Trình độ chuyên môn**		**Trình độ chính trị**			**Ngoại ngữ**	
			Trên Đại học	**Đại học**	**Sơ cấp**	**Trung cấp**	**Cao cấp**	**Đại học**	**Chứng chỉ**
…									

14.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng…): …….

14.7. Hình thức liên kết:……..

14.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: ……

15. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:……

16. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình: ….....

17. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:……..

18. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: ***(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)***

Quảng bá □

Trả tiền □

19. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: ***(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)***

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số □

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV □

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh □

Dịch vụ truyền hình di động □

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet □

Khác □

(Ghi rõ phương thức cung cấp dịch vụ trong trường hợp thuộc điền "khác").....

20. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu: …….....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:. .....……

+ Năm 1: ……...

+ Năm 2: .....

21. Các nội dung khác *(nếu có):* ……

22. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

22.1. Họ và tên: ……

22.2. Chức danh *(Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc)*:.....

23. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

(…)……

24. Cam kết:

(Tên cơ quan báo chí) xin cam kết:

24.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

24.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích).

1. Nội dung đánh giá tình hình triển khai thực hiện Giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình* đã được cấp.

2. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ mục đích của kênh chương trình.

3. Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích của kênh *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

5. Các phương án triển khai thực hiện các nội dung thay đổi trong giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình sau khi sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích.*

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

7. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp

luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

....., ngày... tháng... năm.....	*....., ngày... tháng... năm.....*
Cơ quan chủ quản phê duyệt	***Người đứng đầu cơ quan báo chí*** [1]
(Đối với các cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và bộ, ngành)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ký tên đóng dấu)	

Chú thích:

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp: kê khai, thuyết minh các mục I, II, III trong biểu mẫu Đề án này.

- Đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích: kê khai, thuyết minh các mục I, II, IV trong biểu mẫu Đề án này.

- Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

[1] Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ** --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Về thay đổi thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng*, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình *phát thanh/truyền hình*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. Thông tin về cơ quan chủ quản:

1. Tên cơ quan chủ quản: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Điện thoại: .....

II. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

1. Tên tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: .....

4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....

5. Thông tin về giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình*, giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép): .....

III. Nội dung báo cáo

1. Thời gian, thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng*, thời lượng tự sản xuất (phát mới/phát lại), thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng* mới của kênh chương trình sau khi thực hiện thay đổi; lý do thay đổi.

2. Nêu rõ thời lượng, tỷ lệ thời lượng các nhóm chuyên mục trong bảng cấu tạo khung chương trình cơ bản có thay đổi; lý do thay đổi.

3. Phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm (nếu có).

4. Khung chương trình dự kiến *truyền dẫn/ phát sóng* trong 01 (một) tháng.

Người đứng đầu cơ quan báo chí [1]

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích

Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

[1] Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 02

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;

Theo đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/kênh chương trình truyền hình trong nước của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh/ truyền hình* (viết bằng chữ in hoa)

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số do……cấp…….ngày……. tháng……năm…….*

Được sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: *(Phát thanh hoặc Truyền hình)*

1.1. Tên kênh chương trình:…….

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:. ..…….

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:……

1.4. Loại kênh chương trình: *(Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo…)*

1.5. Ngôn ngữ thể hiện:……

1.6. Đối tượng phục vụ:…….

1.7. Thời gian *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(từ.....giờ…phút… đến…..giờ… phút…)*.

1.8. Thời lượng *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

1.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

- *Truyền dẫn/ phát sóng* mới: *(...giờ ...phút)*

- *Truyền dẫn/ phát sóng* lại: *(...giờ ...phút)*

1.10. Thời lượng chương trình *truyền dẫn/ phát sóng* mới trong một ngày: *(….giờ ... phút/ ngày)*.

1.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	**Tên chuyên mục/loại chương trình**	**Nội dung**	**Thời lượng** *(... giờ ... phút)*		**Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng**	
			Trung bình/ngày	**Trong 01 tháng**	**Trung bình/ ngày**	**Trong 01 tháng**
1.						
2.						
…						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh: …….....

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:……

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung truyền dẫn/ phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11 (đối với kênh có từ 02 định dạng kỹ thuật trở lên).

2. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình: .....

3. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá;

Phương thức dịch vụ trả tiền.

4. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số;

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV;

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh;

Dịch vụ truyền hình di động;

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;

Khác...

5. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

5.1. Họ và tên: …….....

5.2. Chức danh *(Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc)*:.....

6. Các quy định khác:……

7. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp.

- Cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép ./.

Nơi nhận:
- *Cơ quan báo chí được cấp phép;*
- *Cơ quan chủ quản;*
- *Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;*
- *Văn phòng Chính phủ;*
- *UBND, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, TP trực thuộc TW (nếu tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);*
- *Bộ trưởng;*
- *……;*
- *Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.*

BỘ TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

Mẫu số 04

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....*

GIẤY PHÉP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

(Có giá trị đến ngày.....tháng.....năm…….

Cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm……

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.....ngày.....tháng.....năm.....)

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước số ... ngày ... tháng ... năm..... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị tại văn bản/báo cáo/đề án số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh/truyền hình*

(viết bằng chữ in hoa)

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình* số…do…… cấp……ngày…tháng…… năm…

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước số…. do… cấp ngày… tháng…. năm…..

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước *(tên kênh):*

.....

.....

2. Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước *(tên kênh)* có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày … tháng … năm…….

Các quy định khác của Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước *(tên kênh)* số… ngày… tháng… năm… do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho *(tên cơ quan báo chí)* vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

3. Cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí; về viễn thông, tần số vô tuyến điện, truyền dẫn, phát sóng; các văn bản pháp luật có liên quan, những quy định ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước *(tên kênh)* số… ngày… tháng… năm… và Giấy phép này./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**
- Cơ quan báo chí được cấp phép;	*(Ký tên và đóng dấu)*
- Cơ quan chủ quản;	
- Bộ trưởng;	
- ……;	
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT (số bản).	

Chú thích:

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

A3. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

4. Thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử

**** Trình tự thực hiện:***

- Nhà xuất bản phải có đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét, có ý kiến thẩm định đề án bằng văn bản. Trường hợp đề án không đúng mẫu hoặc không đủ thông tin theo mẫu quy định thì phải trả lại để nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện;

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Cục Xuất bản, In và Phát hành, *nhà xuất bản* phải triển khai thực hiện đề án theo ý kiến thẩm định của Cục Xuất bản, In và Phát hành và có *hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử* gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được *hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử*, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm kiểm tra việc triển khai đề án và có văn bản *xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử;* trường hợp không xác nhận đăng ký phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Nhà xuất bản chỉ được hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử sau khi có văn bản xác nhận đăng ký của Cục Xuất bản, In và Phát hành.

**** Cách thức thực hiện*:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 43 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** *Nhà xuất bản*

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Cục Xuất bản, In và Phát hành.

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** *Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử*

**** Phí, lệ phí:*** Không quy định.

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đăng ký hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 43); Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 44) (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**** Yêu cầu, điều kiện:***

(1) Điều kiện về thiết bị, công nghệ để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:

- Có máy chủ đặt tại Việt Nam;

- Có đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet;

- Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;

- Có hệ thống lưu trữ đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ phải bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập;

(2) Tiêu chuẩn về nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:

- Được đào tạo về công nghệ thông tin;

(3) Biện pháp kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử :

- Có giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet;

- Có quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;

- Có quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử;

- Có giải pháp kỹ thuật theo quy định về kiểm soát bản quyền số đối với nhà cung cấp nội dung, các kênh phân phối nội dung, cụ thể như sau:

+ Có thiết bị, phần mềm kỹ thuật chống can thiệp, thay đổi và sao chép trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung xuất bản phẩm điện tử;

+ Có biện pháp kỹ thuật xác thực tính hợp pháp của người sử dụng khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử và phải bảo đảm tính riêng tư, an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân;

(4) Tên miền Internet Việt Nam để thực hiện xuất bản điện tử, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet phải là tên miền ".vn"

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 43

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/ CÁ NHÂN** Số: ……/…… (nếu có)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Hoạt động xuất bản xuất bản phẩm điện tử

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Căn cứ văn bản số..... ngày..... tháng..... năm..... của Cục Xuất bản, In và Phát hành về việc thẩm định Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử;

- Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử theo ý kiến thẩm định của Cục Xuất bản, In và Phát hành;

..... *(tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm)* trân trọng đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký để được chính thức hoạt động xuất bản/ phát hành xuất bản phẩm điện tử.

..... *(tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm)* cam kết tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động xuất bản/ phát hành xuất bản phẩm điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:…..	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Mẫu số 44

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

1. Tên cơ quan, tổ chức/cá nhân thực hiện đề án:.....

- Trụ sở (địa chỉ): .....
- Điện thoại: ……Email .....
- Giấy phép thành lập nhà xuất bản/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh……...
- Tôn chỉ, mục đích hoạt động: .....

2. Sự cần thiết của đề án *(nêu rõ lý do, nhu cầu hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử)*

3. Nội dung hoạt động *(Xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử)* ……

4. Điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai gồm: .....

(Mô tả điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Danh mục máy chủ đặt tại Việt Nam, gồm tối thiểu các thông tin sau: tên máy chủ, cấu hình, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất, số lượng, chất lượng (mới/đã qua sử dụng), vị trí lắp đặt (bao gồm cả địa chỉ IP đối với máy chủ), cán bộ quản lý/vận hành, chức năng/tính năng sử dụng;

b) Tài liệu chứng minh đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet;

c) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;

d) Mô tả, thuyết minh tổng quan hệ thống lưu trữ bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; cung cấp tài liệu thiết kế cơ sở hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

Thuyết minh việc bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập của xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ;

đ) Tài liệu chứng minh về việc có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)

5. Điều kiện về nhân lực kỹ thuật dự kiến triển khai gồm: .....

(Mô tả điều kiện về nhân lực kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến triển khai cần lập danh sách nhân lực kỹ thuật gồm tối thiểu các thông tin: họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, liệt kê thông tin về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về công nghệ thông tin của nhân lực kỹ thuật hoặc kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ).

6. Các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai gồm: .....

(Mô tả các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet.

b) Mô tả quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;

c) Mô tả quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử;

d) Mô tả việc đáp ứng điều kiện về giải pháp kỹ thuật kiểm soát bản quyền số trong hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT)

7. Tên miền Internet Việt Nam dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử: .....

(Mô tả tên miền Internet Việt Nam theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cần thể hiện rõ nội dung sau đây:

a) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet có sử dụng ít nhất 01 tên miền ".vn" và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam;

b) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử đứng tên là chủ thể đăng ký sử dụng tên miền;

c) Tên miền ".vn " trong đề án còn hạn sử dụng ít nhất 06 tháng.

Trường hợp không thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet thì không phải mô tả điều kiện có máy chủ đặt tại Việt Nam, máy tính và các thiết bị khác để phục vụ mục đích xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có đường truyền kết nối Internet quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có tên miền Internet quy định tại Điểm c Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản và Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP).

8. Chủ đề, đề tài của xuất bản phẩm điện tử chủ yếu dự kiến xuất bản, phát hành: .... ……

9. Các thông tin khác *(nếu có):*.....

……, ngày…… tháng…… năm ……

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

B1. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

5. Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (đối với cơ quan báo chí của địa phương)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, cơ quan báo chí của địa phương nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí.

(2) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích).

(3) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo chí (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi ấn phẩm báo chí; hình thức trình bày, vị trí của tên gọi ấn phẩm báo chí).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** *10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.*

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** Cơ quan báo chí của địa phương

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Văn bản chấp thuận.

**** Phí, lệ phí:*** Không có

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không quy định.

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13.

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

B2. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

6. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trước khi hoạt động, Cơ sở in trên địa bàn (*là doanh nghiệp,* đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) *thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (không bao gồm hoạt động chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in bao bì không chứa nhãn hàng hóa* phải thực hiện đăng ký hoạt động in với cơ quan quản lý về hoạt động in (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) để được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến *Bộ phận Một cửa* hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký hoạt động in (Mẫu số 08 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

(2) Sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 09 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** Cơ sở in *(là doanh nghiệp,* đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này*)*.

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**** Phí, lệ phí:*** Không có

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP). Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 09 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:***

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; tem chống giả; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Bao bì, nhãn hàng hóa; Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ, sách, sổ, tài liệu hướng dẫn sử dụng, giới thiệu, quảng cáo thiết bị, công cụ sản xuất, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; áp-phích, tờ rời, tờ gấp không phải là xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản và các sản phẩm in khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….. (nếu có)	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

TỜ KHAI
Đăng ký hoạt động in

Kính gửi: ..... [1]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Mã số doanh nghiệp: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ..... ngày …… tháng ..... năm ……. , nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số …….. ngày …. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....[2]
- Mục đích hoạt động .....[3]
- Danh mục thiết bị in *(Chế bản, in, gia công sau in)*

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất: ……...……[4]

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

1 Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.
2 Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa…).
3 Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).
4 Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

Mẫu số 09

Ảnh 4 x 6 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(của người đứng đầu cơ sở in)

1. Họ và tên …… Bí danh: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: …… Nam, nữ: .....
3. Quê quán: .....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có): .....
6. Căn cước công dân: Số ..... ngày…… tháng ..... năm …nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
7. Dân tộc: …… Tôn giáo: …… Quốc tịch: .....
8. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
9. Trình độ văn hóa: …….. Trình độ chuyên môn: .....
10. Trình độ chính trị: .....
11. Chức vụ trong cơ sở in: .....
12. Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
13. Ngành, nghề kinh doanh về in: .....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ [1]

....., ngày .... tháng ..... năm ...
Người khai ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

[1]Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../ GP-[1]	*……, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

.....[2]

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....….....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....[3]

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....[4]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

[2] Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

[4] Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

7. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in *(là doanh nghiệp,* đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến *Bộ phận Một cửa* hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 11 Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** Cơ sở in *(là doanh nghiệp,* đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này)

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**** Phí, lệ phí:*** Không có

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (Mẫu số 11 Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./.....(nếu có)	*……, ngày ... tháng ... năm ….*

TỜ KHAI

Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in

Kính gửi:..... [1]

I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO[2]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số .... ngày .... tháng ….. nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ……. ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....
- Mục đích hoạt động:.....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in).

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)[3]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:..... Email: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ..... ngày …. tháng ..... nơi cấp ....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ….. ngày …. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....

- Chức vụ: .....

- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....

- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....

- Mục đích hoạt động: .....

- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[1] Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

[2] Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

[3] Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../ GP-[1]	*……, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

..... [2]

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....….....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....[3]

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....[4]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

[2] Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

[4] Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

8. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trước khi hoạt động, Cơ sở in *trên địa bàn* (là hộ kinh doanh) *thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (không bao gồm hoạt động chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in bao bì không chứa nhãn hàng hóa)* phải thực hiện đăng ký hoạt động in với *Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã* để được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến *Bộ phận Một cửa* hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký hoạt động in (Mẫu số 08 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

(2) Sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 09 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** Cơ sở in (là hộ kinh doanh)

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** *Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.*

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**** Phí, lệ phí:*** Không có

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP). Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 09 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:***

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; tem chống giả; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Bao bì, nhãn hàng hóa; Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ, sách, sổ, tài liệu hướng dẫn sử dụng, giới thiệu, quảng cáo thiết bị, công cụ sản xuất, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; áp-phích, tờ rời, tờ gấp không phải là xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản và các sản phẩm in khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….. (nếu có)	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

TỜ KHAI
Đăng ký hoạt động in

Kính gửi: ..... [1]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Mã số doanh nghiệp: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ..... ngày …… tháng ..... năm ……. , nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số …….. ngày …. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....[2]
- Mục đích hoạt động .....[3]
- Danh mục thiết bị in *(Chế bản, in, gia công sau in)*

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất: ……...……[4]

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

1 Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.
2 Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa…).
3 Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).
4 Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

Mẫu số 09

Ảnh 4 x 6 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(của người đứng đầu cơ sở in)

1. Họ và tên …… Bí danh: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: …… Nam, nữ: .....
3. Quê quán: .....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có): .....
6. Căn cước công dân: Số ..... ngày…… tháng ..... năm …nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
7. Dân tộc: …… Tôn giáo: …… Quốc tịch: .....
8. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
9. Trình độ văn hóa: …….. Trình độ chuyên môn: .....
10. Trình độ chính trị: .....
11. Chức vụ trong cơ sở in: .....
12. Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
13. Ngành, nghề kinh doanh về in: .....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ [1]

....., ngày .... tháng ..... năm ...
Người khai ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

[1]Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../ GP-[1]	*……, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

.....[2]

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....….....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....[3]

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....[4]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

[2] Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

[4] Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

9. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)

**** Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in (là hộ kinh doanh) phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (*Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã*) đề nghị cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng thành phần quy định phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**** Cách thức thực hiện*:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến *Bộ phận Một cửa* hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**** Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 11 Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**** Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**** Đối tượng thực hiện TTHC*:** Cơ sở in (là hộ kinh doanh)

**** Cơ quan thực hiện TTHC*:** *Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.*

**** Kết quả của việc thực hiện TTHC*:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**** Phí, lệ phí:*** Không có

**** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP). Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 09 tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị quyết 18/2026/NQ-CP).

**** Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

**** Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./.....(nếu có)	*……, ngày ... tháng ... năm ….*

TỜ KHAI

Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in

Kính gửi:..... [1]

I. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐÃ KHAI BÁO[2]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số .... ngày .... tháng ….. nơi cấp .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ……. ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in .....
- Mục đích hoạt động:.....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in).

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)[3]

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:..... Email: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ..... ngày …. tháng ..... nơi cấp ....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ….. ngày …. tháng … năm ….. nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....

- Chức vụ: .....

- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....

- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....

- Mục đích hoạt động: .....

- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	**Tên thiết bị** ***(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)***	**Hãng sản xuất**	**Model**	**Số định danh thiết bị** ***(Số máy)***	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Số lượng** ***(chiếc)***	**Chất lượng** ***(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)***	**Tính năng sử dụng** ***(chế bản, in, gia công sau in)***	**Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị**

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[1] Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

[2] Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

[3] Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../ GP-[1]	*……, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

..... [2]

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....….....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....[3]

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....[4]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

[2] Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

[4] Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.